

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới
trong ngành y tế giai đoạn 2021-2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-CP, ngày 03/3/2021 của Chính phủ về việc ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong ngành y tế giai đoạn 2021-2030 (Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng BYT (để b/c);
- UBQGVSTBCPN Việt Nam;
- Các thành viên Ban VSTBPNBYT;
- Lưu: VT, Ban VSTBPN BYT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Thuấn

KẾ HOẠCH

Thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong ngành y tế giai đoạn 2021-2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-CP, ngày 03/3/2021 của Chính phủ về việc ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, Bộ Y tế xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong ngành y tế giai đoạn 2021-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục tăng cường bình đẳng giữa nam và nữ trong cung cấp và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, góp phần cải thiện chất lượng bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân theo định hướng công bằng, hiệu quả và phát triển.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1. Nhóm các mục tiêu quốc gia nhằm bảo đảm bình đẳng giữa nam và nữ trong tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ chăm sóc sức khỏe

Mục tiêu 1: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

- Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh ở mức 111 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2025 và 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản giảm còn 42/100.000 trẻ sinh sống vào năm 2025 và xuống dưới 42/100.000 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 3: Tỷ suất sinh ở vị thành niên giảm từ 23 ca sinh/1.000 phụ nữ xuống 18/1.000 vào năm 2025 và dưới 18/1.000 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất một cơ sở y tế cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới đạt 40% vào năm 2025 và 70% vào năm 2030.

2. Nhóm các chỉ tiêu về đảm bảo quyền bình đẳng giới đối với cán bộ y tế

Mục tiêu 2: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các cương vị lãnh đạo, quản lý trong toàn ngành nhằm từng bước nâng cao vị thế, giảm dần khoảng cách về giới trong lĩnh vực này.

- *Chỉ tiêu 1:* Đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan, đơn vị trong ngành có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

- *Chỉ tiêu 2:* Tỷ lệ cán bộ nữ trong diện quy hoạch cán bộ của các đơn vị không dưới 15%.

Mục tiêu 3: Thu hẹp dần khoảng cách giới trong lao động, việc làm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành Y tế.

Các chỉ tiêu đến năm 2030:

- *Chỉ tiêu 1:* 100% các đơn vị không có sự phân biệt về giới tính trong tiêu chí tuyển dụng (ngoại trừ các vị trí làm việc nặng nhọc, độc hại theo quy định của Luật Lao động).

- *Chỉ tiêu 2:* Tỷ lệ cán bộ nữ trong tổng số cán bộ được đào tạo liên tục về chuyên môn kỹ thuật tại các đơn vị trong ngành tương đương với tỷ lệ nữ trong đơn vị.

Mục tiêu 4: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước đảm bảo sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong thụ hưởng giáo dục và đào tạo của toàn ngành.

Các chỉ tiêu đến năm 2030:

- *Chỉ tiêu 1:* Tỷ lệ cán bộ nữ trong tổng số cán bộ được đào tạo thạc sĩ và tương đương (BSCK I) đạt trên 50% từ năm 2025 trở đi.

- *Chỉ tiêu 2:* Tỷ lệ cán bộ nữ trong tổng số cán bộ được đào tạo tiến sĩ và tương đương (BSCK II) đạt 30% vào năm 2035 và 35% vào năm 2030.

Mục tiêu 5: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ.

Các chỉ tiêu đến năm 2030:

- *Chỉ tiêu 1:* 100% cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, cán bộ hoạch định chính sách các cấp của ngành Y tế được tập huấn cập nhật kiến thức bình đẳng giới.

- *Chỉ tiêu 2:* Ít nhất có 95% lãnh đạo đơn vị và cán bộ chuyên trách được tập huấn về lồng ghép giới trong xây dựng và triển khai chính sách ngành Y tế.

- *Chỉ tiêu 3:* 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của ngành được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, trách nhiệm quản lý của chính quyền các cấp trong việc nâng cao nhận thức, triển khai thực hiện và hoàn thiện thể chế về bình đẳng giới. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện các quy định về bình đẳng giới.

2. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật bảo đảm các nguyên tắc bình đẳng giới trên các lĩnh vực có liên quan. Thực hiện lồng ghép các nội dung bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật và các chương trình, chiến lược, kế hoạch phát của ngành.

3. Xây dựng và triển khai các Chương trình nhằm thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới:

- Truyền thông nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới, đề cao giá trị của trẻ em gái, vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội. Xây dựng các chuẩn mực, giá trị xã hội phù hợp nhằm thực hiện hiệu quả bình đẳng giới, loại trừ dần nguyên nhân sâu xa của tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; nâng cao năng lực về bình đẳng giới cho cán bộ làm công tác pháp chế, tăng cường lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các đơn vị trong toàn ngành.

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền về Luật phòng chống bạo lực gia đình cho toàn thể cán bộ công chức, viên chức và người lao động tại các đơn vị. Các cơ sở khám chữa bệnh tổ chức sàng lọc, chăm sóc y tế và tư vấn cho người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân về bình đẳng giới. Hàng năm, tổ chức triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới từ ngày 15 tháng 11 đến ngày 15 tháng 12.

4. Giải pháp về chuyên môn, kỹ thuật của ngành

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dân số, cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, duy trì mức sinh thấp hợp lý, quy mô gia đình ít con, hạn chế xu hướng gia tăng mất cân bằng giới tính khi sinh, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cụ thể như:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách và giải pháp nhằm duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, nâng cao chất lượng dân số, cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, tích cực triển khai thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh và tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực thi các quy định về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi và các nhiệm vụ của Đề án nhằm giảm tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh và đưa về mức cân bằng tự nhiên.

- Triển khai các chương trình về nâng cao chất lượng dân số đảm bảo nam, nữ được cung cấp thông tin, tiếp cận bình đẳng tới các hoạt động, dịch vụ tại cộng đồng gồm tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc sơ sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Đẩy mạnh triển khai chương trình làm mẹ an toàn tại các tỉnh/thành phố trong cả nước, chú trọng thực hiện các giải pháp can thiệp phù hợp tại các vùng khó khăn, miền núi (cấp phát miễn phí gói đỡ đẻ sạch, đào tạo cô đỡ thôn bản, tăng cường năng lực phát hiện và xử lý tai biến sản khoa cho trạm y tế xã và cơ sở y tế tuyến huyện).

- Xây dựng và triển khai thực hiện đề án Lồng ghép truyền thông nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và phòng chống HIV/AIDS cho vị thành niên, phụ nữ và nam giới trong phạm vi cả nước.

- Duy trì mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, phòng chống HIV/AIDS cho vị thành niên, phụ nữ và nam giới tại các vùng miền trong cả nước. Tăng độ bao phủ xét nghiệm HIV cho phụ nữ có thai, tăng số lượng các huyện triển khai cung cấp dịch vụ toàn diện về dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con, tăng số cặp mẹ con được theo dõi sau khi sinh bao gồm mẹ được Điều trị ARV và con được chẩn đoán sớm nhiễm HIV và Điều trị ARV cho con.

- Đề xuất sửa đổi và bổ sung các quy định chưa phù hợp với Luật bình đẳng giới trong một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thuộc lĩnh vực phòng chống HIV/AIDS, Dân số KHHGD và SKSS.

- Thực hiện tốt công tác thống kê, báo cáo về bạo lực gia đình tại cơ sở khám, chữa bệnh.

5. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ công chức, viên chức và người lao động tại các đơn vị.

6. Tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới;

- Kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ Y tế và Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ của các đơn vị nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ.

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ từ. Tổ chức tập huấn kiến thức nghiệp vụ và kỹ năng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; nội dung về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức, viên chức nữ theo yêu cầu của vị trí việc làm, ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức. Nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, xây dựng và nhân rộng mô hình hoạt động hiệu quả công tác vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới, đồng thời đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bình đẳng giới và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ.

7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

- Hàng năm, tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm về bình đẳng giới, kịp thời xác minh, báo cáo những vấn đề, vụ việc đột xuất liên quan đến công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ để kịp thời giải quyết.

8. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế trong thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới; tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, chuyên môn của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong lĩnh vực bình đẳng giới.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước; nguồn vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ Y tế (Vụ Tổ chức cán bộ là đơn vị thường trực)

- Ban hành Kế hoạch và hướng dẫn Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các đơn vị trực thuộc Bộ, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Kế hoạch hành động về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030.

- Phân công nhiệm vụ cho các Vụ, Cục làm đầu mối tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động về bình đẳng giới của ngành Y tế giai đoạn 2021-2030 và giám sát việc thực hiện.

- Phối hợp với các đơn vị chuyên môn tổ chức các khóa tập huấn kiến thức về giới, phân tích và lồng ghép giới; tập huấn nghiệp vụ, huấn luyện về kỹ năng hoạt động và nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

- Tham gia và phối hợp với các đơn vị chức năng trong và ngoài ngành, các tổ chức quốc tế, các đoàn thể, xã hội để huy động nguồn lực thực hiện các nghiên cứu, phát hiện và đề xuất giải quyết vấn đề giới trong xây dựng và thực hiện các chương trình, nội dung công tác của ngành; xây dựng cơ chế phối hợp, thẩm định yếu tố bình đẳng giới trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Phối hợp với Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam trong việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030;

- Hướng dẫn Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các đơn vị trực thuộc Bộ, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động và tiến độ thực hiện các chỉ tiêu trong nhóm các chỉ tiêu quốc gia và nhóm chỉ tiêu đối với cán bộ y tế.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết hàng năm và báo cáo Lãnh đạo Bộ, Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam về việc thực hiện Kế hoạch hành động về bình đẳng giới của ngành Y tế giai đoạn 2021-2030.

2. Các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ tổ chức thực hiện Kế hoạch theo sự phân công. Tham gia cùng một số bộ, ngành chức năng chỉnh sửa một số quy định chưa phù hợp với Luật Bình đẳng giới trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thuộc lĩnh vực chuyên môn có liên quan.

3. Các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Xây dựng Kế hoạch hành động về bình đẳng giới nhằm thực hiện các chỉ tiêu đặt ra trong nhóm chỉ tiêu quốc gia và nhóm chỉ tiêu đối với cán bộ y tế.

- Chỉ đạo thường xuyên và kịp thời các hoạt động nhằm thực hiện Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới đã xây dựng.

- Phối hợp với đơn vị chức năng và Ban vì sự tiến bộ phụ nữ trong việc nghiên cứu, giải quyết vấn đề giới trong xây dựng và thực hiện các chương trình, nội dung công tác của ngành thuộc đơn vị phụ trách.

- Bố trí kinh phí hàng năm theo dự toán của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ của đơn vị theo quy định tại Thông tư số 191/2009/TT-BTC ngày 01/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Tổ chức tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động về bình đẳng giới, tiến độ thực hiện và dự kiến hoàn thành các chỉ tiêu trong nhóm các chỉ tiêu quốc gia và nhóm các chỉ tiêu đối với cán bộ y tế của đơn vị và gửi báo cáo định kỳ 6 tháng/một lần trước ngày 10 của tháng 6 và tháng 12 hàng năm về Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ Y tế (Vụ Tổ chức cán bộ) để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ./.

PHỤ LỤC

Phân công các đơn vị đầu mối triển khai thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới nhằm bảo đảm bình đẳng giữa nam và nữ trong tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ chăm sóc sức khỏe

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày / /2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Nội dung	Đơn vị đầu mối thực hiện	Định kỳ báo cáo	Ghi chú
	Mục tiêu 1: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.			Thực hiện thống kê theo hướng dẫn tại Công văn số 2792/LĐT BXH-BĐG ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
1	Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh ở mức 111 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2025 và 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2030.	Tổng cục dân số Kế hoạch hóa gia đình	Hàng năm	
2	Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản giảm còn 42/100.000 trẻ sinh sống vào năm 2025 và xuống dưới 42/100.000 vào năm 2030.	Vụ Sức khỏe – Bà mẹ trẻ em	Hàng năm	
3	Chỉ tiêu 3: Tỷ suất sinh ở vị thành niên giảm từ 23 ca sinh/1.000 phụ nữ xuống 18/1.000 vào năm	Vụ Sức khỏe – Bà mẹ trẻ em	Hàng năm	

	2025 và dưới 18/1.000 vào năm 2030.			
4	Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất một cơ sở y tế cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới đạt 40% vào năm 2025 và 70% vào năm 2030.	Cục Quản lý Khám, chữa bệnh	Hàng năm	